TEACHER SLIDES · DELE A1 · LESSON 13

Te escribo para...

Writing Workshop (DELE A1)

Vocabulary with pictures · Connectors and the DELE letter format · Writing a 30-40 word message

🎯 Mục tiêu bài học · Objectives

- Đọc và điền đúng trường biểu mẫu, mở đầu và kết thúc thư theo mức thân mật · Handle form fields and letter openings/closings by formality
- Nối câu mạch lạc bằng từ nối và viết tin nhắn DELE đúng 30–40 từ · Link ideas with connectors and write a 30–40-word DELE message
- Nghe tin nhắn thoại đặt bàn để điền biểu mẫu và phân biệt hai văn bản trang trọng/thân mật · Complete a form from a voice message and contrast formal/informal texts

👩‍🏫 **GV:** Mở đầu: đặt câu hỏi gợi mở theo chủ đề bài, ghi nhanh ý học viên lên bảng.

📚 Từ vựng 1/9 · el nombre … el lugar de nacimiento



el nombre

tên

first name



los apellidos

họ (và tên đệm)

surnames



la fecha de nacimiento

ngày sinh

date of birth



el lugar de nacimiento

nơi sinh

place of birth

👩‍🏫 **GV:** Đọc mẫu từng từ (audio trên web), lớp đọc đồng thanh rồi cá nhân. Từ khó: diễn tả bằng hành động/tranh.

📚 Từ vựng 2/9 · la dirección … el correo electrónico

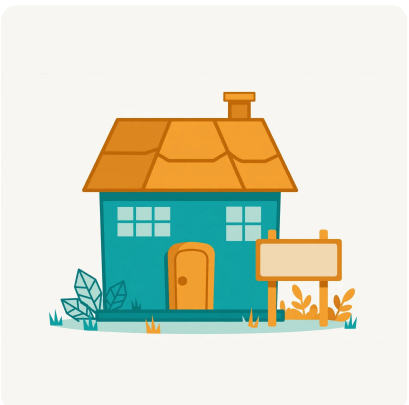

la dirección

địa chỉ

address



el código postal

mã bưu điện

postal code



el teléfono

điện thoại

telephone



el correo electrónico

email

email

👩‍🏫 **GV:** Đọc mẫu từng từ (audio trên web), lớp đọc đồng thanh rồi cá nhân. Từ khó: diễn tả bằng hành động/tranh.

📚 Từ vựng 3/9 · la nacionalidad … soltero / soltera



la nacionalidad

quốc tịch

nationality



la profesión

nghề nghiệp

profession



el estado civil

tình trạng hôn nhân

marital status



soltero / soltera

độc thân

single

👩‍🏫 **GV:** Đọc mẫu từng từ (audio trên web), lớp đọc đồng thanh rồi cá nhân. Từ khó: diễn tả bằng hành động/tranh.

📚 Từ vựng 4/9 · casado / casada … Estimado / Estimada…

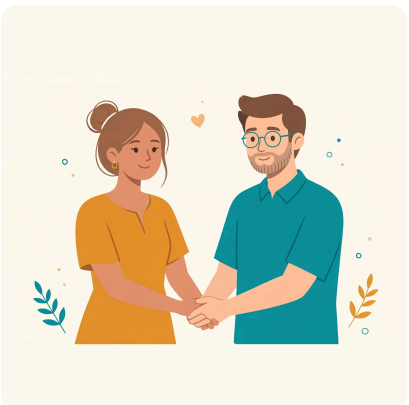

casado / casada

đã kết hôn

married



Querido / Querida…

…thân mến

Dear…



¡Hola!

Chào!

Hi!

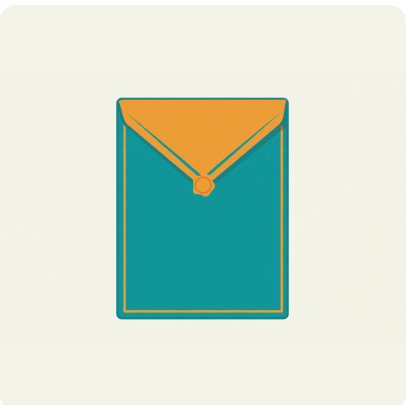

Estimado / Estimada…

Kính gửi…

Dear… (formal)

👩‍🏫 **GV:** Đọc mẫu từng từ (audio trên web), lớp đọc đồng thanh rồi cá nhân. Từ khó: diễn tả bằng hành động/tranh.

📚 Từ vựng 5/9 · Gracias por… … Saludos

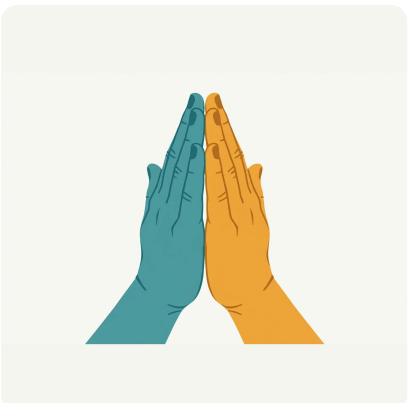

Gracias por…

Cảm ơn vì…

Thanks for…

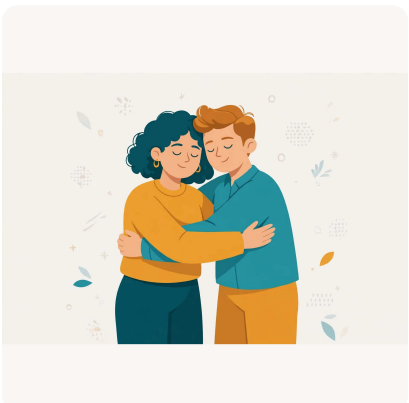

Un abrazo

Ôm một cái (thân)

Hugs



Besos

Hôn nhiều (thân)

Kisses



Saludos

Thân mến chào

Regards

👩‍🏫 **GV:** Đọc mẫu từng từ (audio trên web), lớp đọc đồng thanh rồi cá nhân. Từ khó: diễn tả bằng hành động/tranh.

📚 Từ vựng 6/9 · Atentamente … porque

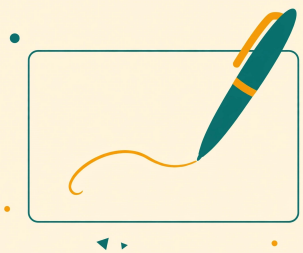

Atentamente

Trân trọng

Sincerely



y

và

and



pero

nhưng

but



porque

vì

because

🧑‍🏫 **GV:** Đọc mẫu từng từ (audio trên web), lớp đọc đồng thanh rồi cá nhân. Từ khó: diễn tả bằng hành động/tranh.

📚 Từ vựng 7/9 · también … por eso

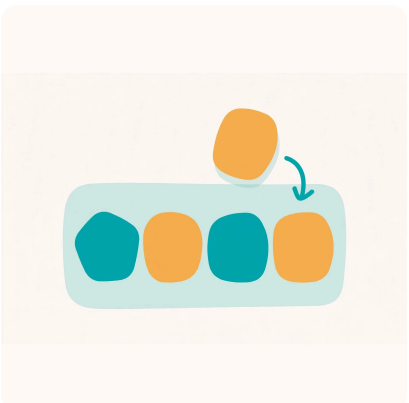

también

cũng

also



primero… después

đầu tiên… sau đó

first… then

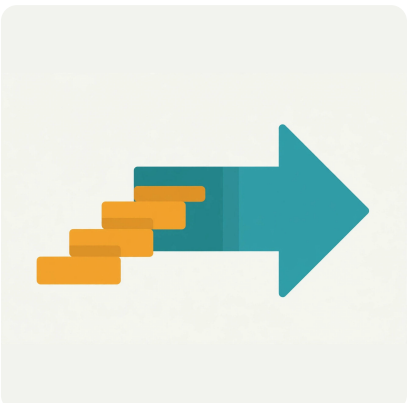

luego

sau đó

then, later



por eso

vì vậy

that's why

👩‍🏫 **GV:** Đọc mẫu từng từ (audio trên web), lớp đọc đồng thanh rồi cá nhân. Từ khó: diễn tả bằng hành động/tranh.

📚 Từ vựng 8/9 · la invitación … ¡Felicidades!



la invitación

lời mời

invitation



confirmar

xác nhận

to confirm

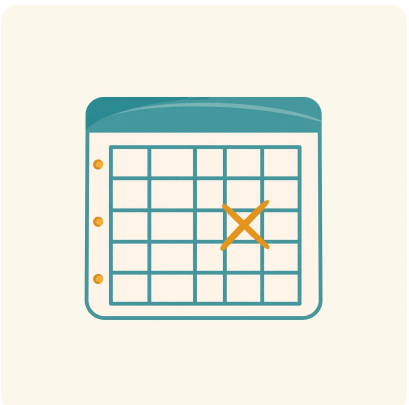

cancelar

hủy

to cancel



¡Felicidades!

Chúc mừng!

Congratulations!

👩‍🏫 **GV:** Đọc mẫu từng từ (audio trên web), lớp đọc đồng thanh rồi cá nhân. Từ khó: diễn tả bằng hành động/tranh.

📚 Từ vựng 9/9 · ¡Feliz cumpleaños! … Te escribo para…



¡Feliz cumpleaños!

Chúc mừng sinh nhật!

Happy birthday!



Te escribo para…

Mình viết thư để…

I'm writing to…

👩‍🏫 **GV:** Đọc mẫu từng từ (audio trên web), lớp đọc đồng thanh rồi cá nhân. Từ khó: diễn tả bằng hành động/tranh.

📖 Ngữ pháp 1 · Điền biểu mẫu DELE · Filling in DELE forms

el 5 de mayo de 1990 · Selena Bui · Soy estudiante (không mạo từ)

Bài viết số 1 điền mọi ô, không bỏ trống. Ngày sinh viết đầy đủ bằng chữ: el 5 de mayo de 1990. Tên riêng viết hoa chữ đầu. Nghề nghiệp sau ser không dùng mạo từ: Soy estudiante.

- **El 5 de mayo de 1990.**
  Ngày 5 tháng 5 năm 1990. · May 5, 1990 (written in full).
- **Soy estudiante.**
  Tôi là học sinh. · I'm a student.

👩‍🏫 **GV:** Dạy theo trình tự: công thức → ví dụ → học viên đặt câu về chính mình. Chữa lỗi ngay trên bảng.

📖 Ngữ pháp 2 · Từ nối · Connectors

y / también (thêm) · pero (đối lập) · porque (lý do) · primero… después… luego… (trình tự) · por eso (kết quả)

Từ nối dán các câu thành đoạn mạch lạc: y và también thêm ý, pero đối lập, porque nêu lý do, primero/después/luego sắp trình tự, por eso nêu kết quả.

- **Quiero ir, pero no puedo.**
  Mình muốn đi nhưng không đi được. · I want to go, but I can't.
- **No voy porque tengo que trabajar.**
  Mình không đi vì phải làm việc. · I'm not going because I have to work.
- **Primero desayuno, después trabajo.**
  Đầu tiên mình ăn sáng, sau đó làm việc. · First I have breakfast, then I work.

👩‍🏫 **GV:** Dạy theo trình tự: công thức → ví dụ → học viên đặt câu về chính mình. Chữa lỗi ngay trên bảng.

📖 Ngữ pháp 3 · Tin nhắn 30–40 từ · The 30–40-word message

Chào → lý do (Te escribo para…) → chi tiết → kết (Un abrazo)

Bài viết số 2 gồm bốn phần: chào hỏi, lý do viết (Te escribo para…), chi tiết (khi nào, ở đâu, mấy giờ) và lời kết. Đếm từ trước khi nộp: dưới 30 hoặc trên 40 đều bị trừ điểm. Thư mẫu của bài đúng 33 từ.

- **Te escribo para invitarte a mi fiesta.**
  Mình viết để mời bạn đến tiệc của mình. · I'm writing to invite you to my party.
- **Confírmame, por favor.**
  Xác nhận giúp mình nhé. · Please let me know.

👩‍🏫 **GV:** Dạy theo trình tự: công thức → ví dụ → học viên đặt câu về chính mình. Chữa lỗi ngay trên bảng.

💬 Hội thoại · Gọi điện mời tiệc sinh nhật — hội thoại luyện tập của bài (A = Selena, B = Ana) (lượt 1–2)

A

¡Hola, Ana! Soy Selena. Te invito a mi fiesta de cumpleaños el sábado.

Chào Ana! Mình là Selena. Mình mời bạn đến tiệc sinh nhật của mình vào thứ Bảy.

B

¡Qué bien! ¿A qué hora es la fiesta?

Hay quá! Tiệc lúc mấy giờ?

👩‍🏫 **GV:** Lớp nghe audio trọn, sau đó đọc theo từng lượt.

💬 Hội thoại · Gọi điện mời tiệc sinh nhật — hội thoại luyện tập của bài (A = Selena, B = Ana) (lượt 1–4)

A

¡Hola, Ana! Soy Selena. Te invito a mi fiesta de cumpleaños el sábado.

Chào Ana! Mình là Selena. Mình mời bạn đến tiệc sinh nhật của mình vào thứ Bảy.

B

¡Qué bien! ¿A qué hora es la fiesta?

Hay quá! Tiệc lúc mấy giờ?

A

A las ocho de la noche, en mi casa. Primero cenamos y después bailamos.

Lúc 8 giờ tối, ở nhà mình. Đầu tiên mình ăn tối, sau đó mình nhảy.

B

¡Perfecto! ¿Tengo que llevar algo?

Tuyệt! Mình có phải mang gì không?

👩‍🏫 **GV:** Lượt cũ mờ dần — lớp tự nhớ lại rồi đối chiếu; sau đó đóng vai theo cặp, đổi chi tiết thành của mình.

💬 Hội thoại · Gọi điện mời tiệc sinh nhật — hội thoại luyện tập của bài (A = Selena, B = Ana) (lượt 1–6)

A

¡Hola, Ana! Soy Selena. Te invito a mi fiesta de cumpleaños el sábado.

Chào Ana! Mình là Selena. Mình mời bạn đến tiệc sinh nhật của mình vào thứ Bảy.

B

¡Qué bien! ¿A qué hora es la fiesta?

Hay quá! Tiệc lúc mấy giờ?

A

A las ocho de la noche, en mi casa. Primero cenamos y después bailamos.

Lúc 8 giờ tối, ở nhà mình. Đầu tiên mình ăn tối, sau đó mình nhảy.

B

¡Perfecto! ¿Tengo que llevar algo?

Tuyệt! Mình có phải mang gì không?

A

No, gracias. Solo tienes que venir. ¿Puedes?

Không, cảm ơn. Bạn chỉ cần đến thôi. Bạn đến được không?

B

¡Claro que sí! ¿Te confirmo por mensaje?

Tất nhiên rồi! Mình xác nhận qua tin nhắn nhé?

👩‍🏫 **GV:** Lượt cũ mờ dần — lớp tự nhớ lại rồi đối chiếu; sau đó đóng vai theo cặp, đổi chi tiết thành của mình.

💬 Hội thoại · Gọi điện mời tiệc sinh nhật — hội thoại luyện tập của bài (A = Selena, B = Ana) (lượt 1–7)

A

¡Hola, Ana! Soy Selena. Te invito a mi fiesta de cumpleaños el sábado.

Chào Ana! Mình là Selena. Mình mời bạn đến tiệc sinh nhật của mình vào thứ Bảy.

B

¡Qué bien! ¿A qué hora es la fiesta?

Hay quá! Tiệc lúc mấy giờ?

A

A las ocho de la noche, en mi casa. Primero cenamos y después bailamos.

Lúc 8 giờ tối, ở nhà mình. Đầu tiên mình ăn tối, sau đó mình nhảy.

B

¡Perfecto! ¿Tengo que llevar algo?

Tuyệt! Mình có phải mang gì không?

A

No, gracias. Solo tienes que venir. ¿Puedes?

Không, cảm ơn. Bạn chỉ cần đến thôi. Bạn đến được không?

B

¡Claro que sí! ¿Te confirmo por mensaje?

Tất nhiên rồi! Mình xác nhận qua tin nhắn nhé?

A

¡Vale! Escríbeme pronto. ¡Un abrazo!

Được! Viết cho mình sớm nhé. Ôm bạn!

👩‍🏫 **GV:** Lượt cũ mờ dần — lớp tự nhớ lại rồi đối chiếu; sau đó đóng vai theo cặp, đổi chi tiết thành của mình.

🎬 Câu nói từ phim · Movie line

¡Euskadi tiene un color especial!

Xứ Basque có một sắc màu đặc biệt!

The Basque Country has a special colour!

🎞️ Ocho apellidos vascos (2014) — Emilio Martínez-Lázaro

Rafa, chàng trai Seville lần đầu rời quê lên xứ Basque tìm Amaia, thốt lên câu đùa về "sắc màu đặc biệt" của Euskadi — một lời khen ngắn, vui và dễ dùng khi viết bưu thiếp hay tin nhắn tả nơi chốn, đúng tinh thần xưởng viết của bài.

🗣️ **Dùng khi nào: Viết bưu thiếp khen một nơi bạn vừa đến: "Nơi này có sắc màu đặc biệt!"**

👩‍🏫 **GV:** Học viên bắt chước ngữ điệu câu thoại 2 lần; hỏi lớp: câu này dùng với ai, lúc nào?

✏️ Luyện tập 1 · Nối từ với nghĩa

1. el nombre	A. địa chỉ
2. los apellidos	B. mã bưu điện
3. la dirección	C. quốc tịch
4. el código postal	D. nghề nghiệp
5. la nacionalidad	E. lời mời
6. la profesión	F. xác nhận
7. la invitación	G. tên
8. confirmar	H. họ (và tên đệm)

👩‍🏫 **GV:** Làm cá nhân 2 phút, chữa theo cặp. Đáp án ở slide đáp án.

✏️ Luyện tập 2 · Điền từ vào chỗ trống

Ngân hàng từ: para · porque · pero · también · Primero · Luego

- Te escribo ___ invitarte a mi fiesta.
- No voy ___ tengo que trabajar.
- Quiero ir, ___ no puedo.
- Hablo inglés y ___ español.
- ___ cenamos, después bailamos.
- ___ vamos al cine.

👩‍🏫 **GV:** Mỗi từ dùng đúng một lần. Học viên yếu được nhìn gợi ý nghĩa trên trang web của bài.

✅ Đáp án luyện tập · Answer key

Nối từ:

1–G · 2–H · 3–A · 4–B · 5–C · 6–D · 7–E · 8–F

Điền từ:

1. para · 2. porque · 3. pero · 4. también · 5. Primero · 6. Luego

🎉 Tiếp theo: Quiz cuối bài 8 câu trên web (đáp án cân bằng A/B/C/D), kiểm tra giữa chương sau bài giữa chương và bài kiểm tra cuối chương.

🏠 Bài tập về nhà · Homework

- ★ **Dễ A. Nối từ với nghĩa** · Match the words
- ★ **Dễ–Trung bình B. Điền từ vào chỗ trống** · Fill in the blanks
- ★★ **Trung bình C. Chọn đáp án đúng** · Multiple choice
- ★★ **Trung bình D. Đóng vai hội thoại** · Role-play
- ★★★ **Khó E. Viết tự do** · Free writing
- **Ôn tập thêm F. Bài tập bổ sung** · Extra practice

👩‍🏫 **GV:** Dặn lớp: phần tự chấm làm ngay trên web; bài viết nộp buổi sau, ghi âm gửi file để GV sửa phát âm.

🎟️ Exit ticket · Tổng kết

- Viết một câu với porque và một câu với pero về kế hoạch cuối tuần · Write one porque sentence and one pero sentence about weekend plans
- Nói bốn phần của một tin nhắn chuẩn DELE theo thứ tự · Name the four parts of a DELE message in order
- Đọc to thư mẫu và tự đếm số từ · Read the model message aloud and count its words

✅ Đạt: học viên hoàn thành 3 yêu cầu trên mà không nhìn sách.
Buổi sau: Bài 14 · Examen DELE A1 · Thi thử tổng hợp (DELE A1)